

KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH THỐNG KÊ TRẮC NGHIỆM “XÁC ĐỊNH KHUYNH HƯỚNG HÀNH VI LỆCH CHUẨN”

Võ Thị Minh Chí

Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Do hoàn cảnh thực tế, việc sử dụng trắc nghiệm của nước ngoài về hành vi lệch chuẩn, vốn được xây dựng trên các tiêu chí đánh giá theo quy định chung của Tổ chức Y tế Thế giới không chỉ phù hợp, mà còn khả thi. Tuy nhiên, trước khi sử dụng những trắc nghiệm này, việc kiểm định thống kê (hay tiến hành nghiên cứu thử) để điều chỉnh, sửa chữa việc biểu đạt... các chỉ báo cho phù hợp với khách thể nghiên cứu là điều cần thiết, tránh sai sót khi đưa ra kết quả chẩn đoán, góp phần giáo dục kịp thời các hành vi lệch chuẩn ở học sinh. Nội dung bài báo nói về kết quả kiểm định thống kê thu được từ trắc nghiệm: “Xác định khuynh hướng hành vi lệch chuẩn”.

Từ khóa: Trắc nghiệm tâm lí, kiểm định thống kê, độ tin cậy, độ hiệu lực.

1. Mở đầu

Ngày nay, việc sử dụng các trắc nghiệm để chẩn đoán, nhận biết, xác định các đặc điểm hành vi “không bình thường” của học sinh là khả thi và được coi là công cụ “trao tay” để giáo viên định hướng, nhận biết tình huống [4], đưa ra quyết sách xử lí phù hợp, góp phần nâng cao việc hiểu và giáo dục học sinh.

Tuy nhiên, một khó khăn nảy sinh là các trắc nghiệm nói chung, trắc nghiệm chẩn đoán hành vi lệch chuẩn nói riêng ở Việt Nam được xây dựng còn rất ít, do vậy, phải sử dụng các công cụ của nước ngoài, với các quy định nghiêm ngặt. Các trắc nghiệm chẩn đoán hành vi lệch chuẩn khi sử dụng ở các nước khác nhau có phần dễ hơn, so với các trắc nghiệm ở các lĩnh vực khác vì nội dung của nó được xây dựng dựa theo các tiêu chí và chỉ báo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), được phổ biến toàn cầu, nhưng kiểm định thống kê là điều kiện không thể thiếu được trong quy trình tiến đến sử dụng các trắc nghiệm này [4]. Có như vậy, kết quả chẩn đoán thu được mới chính xác, không bị sai lệch.

Ngày nhận bài: 15/2/2015 Ngày nhận đăng: 12/4/2015
Liên hệ: Võ Thị Minh Chí, e-mail: minhchi12a4h@yahoo.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các khái niệm công cụ

2.1.1. Trắc nghiệm tâm lí (Psychological Test)

Theo F.S. Freedman “Trắc nghiệm tâm lí là một công cụ đã được tiêu chuẩn hóa, dùng để đo lường khách quan một hay nhiều khía cạnh của nhân cách hoàn chỉnh qua những mẫu trả lời bằng ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ hoặc những loại hành vi khác” [7].

Còn theo cô Bs. Nguyễn Khắc Viện – Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tâm lí trẻ em N-T, thì: “Trắc nghiệm tâm lí là một hệ thống biện pháp đã được chuẩn hóa về kĩ thuật, được quy định về nội dung và cách làm, nhằm đánh giá ứng xử và kết quả hoạt động của một người hay một nhóm người, cung cấp một chỉ báo về tâm lí (trí lực, cảm xúc, năng lực, nét nhân cách. . .) trên cơ sở đối chiếu với một thang đo đã được tiêu chuẩn hóa hoặc với một hệ thống phân loại trên những nhóm mẫu khác nhau về phương diện xã hội” [5].

Như vậy, có thể hiểu một cách chung nhất về trắc nghiệm: Đó là hệ thống các bài tập – công cụ đã được chuẩn hóa cả trong trình bày lẫn xử lí kết quả; kết quả nghiên cứu không bị phụ thuộc vào ảnh hưởng của tình huống thực nghiệm và nhân cách nhà tâm lí học; có sự đối chiếu của các số liệu thu được từ khách thể nghiên cứu với tài liệu (thang đo) đã được tiêu chuẩn hóa.

2.1.2. Kiểm định thống kê (Statistical Test)

Là một bước trong quy trình nghiên cứu, được sử dụng cùng với các số liệu định lượng để khẳng định tính đúng đắn (có hay không) của giả thuyết đặt ra, liên quan đến số lượng mẫu khách thể nghiên cứu. Do đó, trước khi đưa một trắc nghiệm tâm lí vào sử dụng (dù là trắc nghiệm của nước ngoài hay trắc nghiệm thiết kế) thì việc kiểm định thống kê phải coi là điều kiện bắt buộc. Các nội dung cần kiểm định là xác định độ tin cậy, độ hiệu lực của trắc nghiệm và đánh giá hệ số tương quan của các thang đo trong trắc nghiệm [3]. Trong nghiên cứu này, độ tin cậy được đánh giá bằng chỉ số Cronbach’s alpha; độ hiệu lực được đánh giá bằng chỉ số KMO. Tất cả các thao tác tính toán trên đều có thể chạy trên phần mềm SPSS, phiên bản 16.0.

2.1.3. Độ tin cậy của trắc nghiệm (Test reliability)

Độ tin cậy của một trắc nghiệm nói lên rằng, trắc nghiệm đó đo đúng cái nó được thiết kế để đo. Một trắc nghiệm có độ tin cậy tốt được xác định như là một trắc nghiệm trên đó mọi người đạt số điểm tương tự ở những lần đo khác nhau. Độ tin cậy của một phép đo nằm trong khoảng từ 0,00 đến 1,00 và là cao khi bằng 0,80. Có nhiều phương pháp khác nhau để đánh giá độ tin cậy của trắc nghiệm tùy theo mục đích của nghiên cứu. Nghiên cứu này đánh giá độ phù hợp của từng item thông qua việc sử dụng mô hình Cronbach’s Coefficient Alpha. Đây là mô hình đánh giá độ tin cậy của phép đo dựa trên sự tính toán phương sai của từng item với điểm của tổng các item còn lại của phép đo.

2.1.4. Độ hiệu lực của trắc nghiệm (Test validity)

Độ hiệu lực của trắc nghiệm được xác định như là mức độ chính xác mà trắc nghiệm đó đo đúng cái cấu trúc nó được thiết kế để đo. Có độ hiệu lực nội dung (content validity), độ hiệu lực cấu trúc (construct validity), độ hiệu lực tiêu chuẩn (criterion validity), độ hiệu lực dự báo (predictive

validity). Phương pháp được sử dụng để đánh giá độ hiệu lực là phân tích yếu tố. Một thang đo có độ hiệu lực tốt đòi hỏi các item phải có tính đồng nhất, tức là phải có độ chứa tương quan factor lớn hơn 0,30. Nghiên cứu này đánh giá độ hiệu lực nội dung của trắc nghiệm thông qua hệ số Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy (KMO) and Bartlett's Test of Sphericity.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

Trắc nghiệm “Xác định khuynh hướng hành vi lệch chuẩn” được nhóm nghiên cứu đề tài SPHN 14-390-VNCSP tiến hành kiểm định thống kê ở giai đoạn sau nghiên cứu thử (pilot study) trên số lượng lớn học sinh các trường Trung học khác nhau tại Hà Nội.

2.3. Giới thiệu phương pháp nghiên cứu

Phương pháp – Trắc nghiệm “Xác định khuynh hướng hành vi lệch chuẩn” ở học sinh do tác giả A.N. Orion (Nga) thiết kế [1]. Phương pháp được chỉ định để trắc đặc tâm thế của trẻ thiếu niên có các dạng hành vi lệch chuẩn trong thực tế và đề xuất dưới dạng một thang đo chuẩn hóa gồm 98 item, tập hợp các thang đo chẩn đoán đã được chuyên môn hóa nhằm định hướng tâm thế hiện thực hóa các hành vi lệch chuẩn. Các dạng hành vi được đề cập trong trắc nghiệm là:

- + Tâm thế với mong muốn của xã hội – thang 1;
- + Khuynh hướng vượt qua các chuẩn mực và quy định – thang 2;
- + Khuynh hướng với các hành vi phạm tội – thang 3;
- + Khuynh hướng hành vi gây nghiện – thang 4;
- + Khuynh hướng hành vi tự xâm hại – thang 5;
- + Khuynh hướng xâm kích và bạo lực – thang 6;
- + Khuynh hướng kiểm soát các phản ứng xúc cảm bằng ý chí – thang 7.

Trắc nghiệm đưa ra cách tính điểm và là cơ sở để định hướng điều chỉnh hành vi theo mong muốn xã hội thông qua câu trả lời của khách thể nghiên cứu.

2.4. Kết quả kiểm định

2.4.1. Độ tin cậy

Bảng 1. Kết quả về độ tin cậy của item

Cronbach's Alpha: 0,678; Số Items: 98

| Item | Cronbach's Alpha if Item Deleted | Item | Cronbach's Alpha if Item Deleted | Item | Cronbach's Alpha if Item Deleted | Item | Cronbach's Alpha if Item Deleted | Item | Cronbach's Alpha if Item Deleted |
|------|----------------------------------|------|----------------------------------|------|----------------------------------|------|----------------------------------|------|----------------------------------|
| C1 | ,678 | c21 | ,677 | c41 | ,677 | c61 | ,677 | c81 | ,669 |
| c2 | ,678 | c22 | ,667 | c42 | ,668 | c62 | ,671 | c82 | ,675 |
| c3 | ,668 | c23 | ,678 | c43 | ,675 | c63 | ,664 | c83 | ,676 |
| c4 | ,677 | c24 | ,678 | c44 | ,669 | c64 | ,677 | c84 | ,673 |
| c5 | ,673 | c25 | ,670 | c45 | ,670 | c65 | ,677 | c85 | ,683 |
| c6 | ,677 | c26 | ,673 | c46 | ,666 | c66 | ,677 | c86 | ,681 |
| c7 | ,677 | c27 | ,668 | c47 | ,678 | c67 | ,672 | c87 | ,673 |

| | | | | | | | | | |
|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|
| c8 | ,677 | c28 | ,675 | c48 | ,678 | c68 | ,673 | c88 | ,677 |
| c9 | ,670 | c29 | ,678 | c49 | ,675 | c69 | ,678 | c89 | ,677 |
| c10 | ,677 | c30 | ,677 | c50 | ,675 | c70 | ,674 | c90 | ,676 |
| c11 | ,672 | c31 | ,678 | c51 | ,677 | c71 | ,672 | c91 | ,669 |
| c12 | ,672 | c32 | ,678 | c52 | ,670 | c72 | ,675 | c92 | ,677 |
| c13 | ,678 | c33 | ,682 | c53 | ,677 | c73 | ,675 | c93 | ,678 |
| c14 | ,667 | c34 | ,704 | c54 | ,671 | c74 | ,684 | c94 | ,674 |
| c15 | ,676 | c35 | ,675 | c55 | ,678 | c75 | ,688 | c95 | ,691 |
| c16 | ,675 | c36 | ,677 | c56 | ,676 | c76 | ,676 | c96 | ,673 |
| c17 | ,674 | c37 | ,669 | c57 | ,672 | c77 | ,670 | c97 | ,674 |
| c18 | ,672 | c38 | ,676 | c58 | ,679 | c78 | ,679 | c98 | ,678 |
| c19 | ,676 | c39 | ,675 | c59 | ,673 | c79 | ,681 | | |
| c20 | ,676 | c40 | ,673 | c60 | ,662 | c80 | ,679 | | |

Điều kiện để chạy Cronbach’s alpha là: a/ Hệ số cronbach’s alpha tổng phải lớn hơn 0,60; b/ Hệ số tương quan biến – tổng phải lớn hơn 0,30. Kết quả thu được trên các item cho thấy các điều kiện trên về cơ bản đều được đáp ứng ngoại trừ còn có 8/98 item (chiếm 8,16%) mà nếu bỏ đi thì hệ số tương quan tổng sẽ tăng lên. Tuy nhiên, khi xem xét thêm thì thấy rằng, các item đó thỏa mãn điều kiện hệ số tương quan biến – tổng (lớn hơn 0,30); Ngoài ra, hệ số tương quan tổng sẽ tăng nếu xóa chúng đi song sẽ tăng không đáng kể. Trong khi đó, các item trong mô hình phải trải qua một quá trình nghiên cứu nên nhóm tác giả đã giữ lại bằng cách chỉnh sửa lại cách biểu đạt để tiếp tục phân tích ở các bước sau.

2.4.2. Độ hiệu lực

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ hiệu lực của các mệnh đề – item

KMO and Bartlett’s Test
Kaiser–Meyer–Olkin Measure of Sampling Adequacy.: 0,68
Bartlett’s Test of Sphericity Approx. Chi-Square: 6537,645
Sphericity df: 4753
Sig.: 0,000

| Item | Extraction | Item | Extraction | Item | Extraction | Item | Extraction | Item | Extraction |
|------|------------|------|------------|------|------------|------|------------|------|------------|
| C1 | ,758 | c21 | ,870 | c41 | ,807 | c61 | ,793 | c81 | ,727 |
| c2 | ,729 | c22 | ,894 | c42 | ,743 | c62 | ,713 | c82 | ,811 |
| c3 | ,798 | c23 | ,847 | c43 | ,759 | c63 | ,747 | c83 | ,799 |
| c4 | ,809 | c24 | ,773 | c44 | ,743 | c64 | ,785 | c84 | ,786 |
| c5 | ,770 | c25 | ,815 | c45 | ,805 | c65 | ,843 | c85 | ,805 |
| c6 | ,748 | c26 | ,771 | c46 | ,794 | c66 | ,786 | c86 | ,818 |
| c7 | ,796 | c27 | ,775 | c47 | ,765 | c67 | ,819 | c87 | ,739 |
| c8 | ,808 | c28 | ,749 | c48 | ,761 | c68 | ,803 | c88 | ,785 |
| c9 | ,783 | c29 | ,837 | c49 | ,714 | c69 | ,783 | c89 | ,693 |
| c10 | ,826 | c30 | ,778 | c50 | ,829 | c70 | ,806 | c90 | ,834 |
| c11 | ,785 | c31 | ,762 | c51 | ,806 | c71 | ,751 | c91 | ,771 |
| c12 | ,743 | c32 | ,853 | c52 | ,802 | c72 | ,771 | c92 | ,743 |
| c13 | ,786 | c33 | ,866 | c53 | ,745 | c73 | ,808 | c93 | ,707 |
| c14 | ,742 | c34 | ,770 | c54 | ,696 | c74 | ,718 | c94 | ,776 |

| | | | | | | | | | |
|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|
| c15 | ,715 | c35 | ,759 | c55 | ,699 | c75 | ,745 | c95 | ,793 |
| c16 | ,789 | c36 | ,758 | c56 | ,763 | c76 | ,831 | c96 | ,841 |
| c17 | ,818 | c37 | ,741 | c57 | ,804 | c77 | ,723 | c97 | ,740 |
| c18 | ,776 | c38 | ,777 | c58 | ,849 | c78 | ,750 | c98 | ,807 |
| c19 | ,821 | c39 | ,816 | c59 | ,760 | c79 | ,754 | | |
| c20 | ,798 | c40 | ,801 | c60 | ,703 | c80 | ,767 | | |

Kết quả kiểm định ở Bảng 2 cho thấy, hệ số KMO của tất cả các item trong trắc nghiệm đều nằm trong giới hạn cho phép.

2.4.3. Kết quả chỉnh sửa nội dung các item chưa đạt độ tin cậy cần thiết

Bảng 3. Các mệnh đề cần và đã chỉnh sửa

| Stt | Trước chỉnh sửa | Sau chỉnh sửa |
|-----|--|---|
| c13 | Tôi chỉ luôn nói những điều đúng | Tôi luôn chỉ nói những điều đúng |
| c14 | Nếu như con người luôn sử dụng các chất gây hưng phấn và ảnh hưởng đến tâm lí mà không để lại hậu quả nghiêm trọng thì đó cũng là điều hoàn toàn bình thường | Nếu như con người luôn sử dụng các chất gây hưng phấn và ảnh hưởng đến tâm lí mà không để lại hậu quả nguy hiểm thì đó cũng là điều hoàn toàn bình thường |
| c74 | Rượu và thuốc lá là chất gây độc hại cho con người | Rượu và thuốc lá làm tăng độc hại cho con người |
| c75 | Nếu như bị đánh, tôi không đánh lại | Khi bị người khác đánh, tôi ít khi đánh lại |
| c79 | Đã có lúc tôi đi học muộn | Tôi có vài lần đi học muộn |
| c85 | Tôi cảm thấy tôi không có khả năng đánh lại mọi người | Tôi cảm thấy mình không có khả năng đánh lại mọi người |
| c86 | Việc bọn tôi phạm không bị khép tội sẽ làm mọi người tức giận | Mọi người sẽ tức giận, nếu bọn phạm tội không bị khép tội |
| c95 | Tôi cho rằng, con người cần hoàn toàn từ chối những chất gây nghiện | Theo tôi, mọi người cần hoàn toàn từ chối với những chất gây nghiện |

2.4.4. Trắc nghiệm sau khi chỉnh sửa

Bảng 4. Trắc nghiệm hoàn chỉnh sau khi đã chỉnh sửa

| Stt | Nội dung |
|-----|---|
| 1 | Tôi thích mặc quần áo không rực rỡ và tông màu trầm hơn |
| 2 | Đã xảy ra việc đáng lẽ phải làm hôm nay, tôi lại xếp làm vào ngày mai |
| 3 | Tôi rất hứng thú với việc ghi danh để tham gia vào các hành động chiến đấu |
| 4 | Đôi khi tôi cãi lại cha mẹ |
| 5 | Những ai ở thời niên thiếu chưa từng đánh nhau thì sẽ trưởng thành như đứa trẻ nhỏ và không thành đạt trong cuộc sống |
| 6 | Tôi sẽ đảm nhận một công việc nguy hiểm trong cuộc sống nếu như có người trả tiền “tốt” cho công việc đó |
| 7 | Đôi khi tôi cảm thấy bất an đến nỗi không thể ngồi yên tại một chỗ |
| 8 | Đôi khi tôi cũng nói phét |
| 9 | Nếu như có điều kiện để trở thành người lính thì tôi muốn làm phi công chiến đấu |
| 10 | Tôi đánh giá mọi người một cách thận trọng, dè dặt |

| | |
|----|---|
| 11 | Chỉ những người yếu đuối và nhút nhát thì mới thực hiện tất cả những quy định và điều luật |
| 12 | Tôi thích những công việc liên quan đến sự thay đổi chỗ làm và đi du lịch hơn |
| 13 | Tôi luôn chỉ nói những điều đúng |
| 14 | Nếu như con người luôn sử dụng các chất gây hưng phấn và ảnh hưởng đến tâm lí mà không để lại những hậu quả nguy hiểm thì đó cũng là điều hoàn toàn bình thường |
| 15 | Thậm chí ngay cả khi làm việc gì đó độc ác, tôi cũng cố gắng không văng tục, chửi bậy |
| 16 | Tôi là người thích săn bắn các loại thú dữ |
| 17 | Nếu như ai đó làm cho tôi tự ái, tôi nhất định phải trả thù. |
| 18 | Con người cần được quyền được uống các chất kích thích bao nhiêu mà họ muốn. |
| 19 | Khi bạn của tôi trễ hẹn, tôi thường vẫn giữ được sự bình tĩnh |
| 20 | Tôi thường gặp khó khăn với những công việc đòi hỏi phải hoàn thành trong thời hạn nhất định |
| 21 | Đôi khi tôi đi xuyên qua con phố mà tôi thấy thuận tiện, chứ không hẳn là những phố cần qua |
| 22 | Một số quy định và cấm đoán cần phải loại bỏ nếu như ở bạn có đam mê tình dục |
| 23 | Đã có lúc tôi không nghe lời cha mẹ |
| 24 | Nếu phải lựa chọn giữa tốc độ và độ an toàn khi mua ô tô thì tôi chọn độ an toàn |
| 25 | Tôi nghĩ rằng tôi rất thích học đấm bốc |
| 26 | Nếu được tự do lựa chọn nghề nghiệp thì tôi mong trở thành người nếm rượu |
| 27 | Tôi thường trải nghiệm những nhu cầu trong cảm giác mạnh |
| 28 | Đôi khi tôi muốn làm cho bản thân mình bị đau |
| 29 | Quan hệ của tôi với cuộc sống giống như trong câu tục ngữ “Uốn lưỡi bảy lần mới nói” |
| 30 | Tôi thường mua vé để đi lại trên các phương tiện giao thông công cộng |
| 31 | Trong số những người quen của tôi có những người rất mê mẩn với việc thử các chất độc hại |
| 32 | Tôi luôn thực hiện các lời hứa thậm chí ngay cả khi điều đó bất lợi với mình |
| 33 | Đã có lúc tôi rất muốn cãi nhau |
| 34 | Những người luôn đúng là những người trong cuộc sống đã thực hiện châm ngôn: “Nếu cấm thì rất muốn làm và sẽ làm được” |
| 35 | Đã có lúc ngẫu nhiên tôi rơi vào cuộc ẩu đả sau khi đã sử dụng những chất kích thích |
| 36 | Tôi rất ít khi thành công trong việc buộc mình phải tiếp tục công việc sau hàng loạt thất bại |
| 37 | Nếu như ở thời đại của chúng ta có cuộc chiến tranh của các lá bùa thì tôi nhất định tham gia vào cuộc chiến đó |
| 38 | Đã có lúc tôi nói không chính xác |
| 39 | Việc trêu tức nổi đau của mọi người, thậm chí, làm cho tôi dễ chịu |
| 40 | Tốt nhất là đồng ý với mọi người hơn là đi cãi nhau với họ |
| 41 | Nếu như tôi sinh từ thời tiền sử thì tôi đã trở thành tướng cướp chuyên nghiệp |
| 42 | Nếu như không có lối thoát thì cuộc trang cãi có thể giải quyết bằng một trận ẩu đả |
| 43 | Cha mẹ của tôi và những người lớn đã nói về sự bất an do tôi uống một chút rượu |
| 44 | Phong cách ăn mặc từ cái nhìn đầu tiên cho phép nhận ra con người trong đám đông |
| 45 | Nếu như trong một bộ phim mà không có những cuộc ẩu đả lịch sự nào thì đây là một bộ phim tồi |
| 46 | Khi mà con người khát vọng với những cảm giác và trải nghiệm mới không bình thường thì đây là bình thường |
| 47 | Đôi khi tôi cảm thấy buồn bã trong giờ học. |
| 48 | Tôi sẽ bắt xin lỗi nếu như ai đó vô tình dẫm vào chân tôi |
| 49 | Nếu như một người nào đó chọc tức tôi thì tôi sẵn sàng nói hết cho người đó những gì mà tôi nghĩ về anh ta |

| | |
|----|--|
| 50 | Tôi thích đi du lịch theo những tuyến đường không có sẵn |
| 51 | Tôi rất thích nghề làm xiếc với những con rắn độc |
| 52 | Nếu như bạn đã ngồi sau tay lái mô tô thì việc có giá nhất là chạy với tốc độ cao |
| 53 | Khi đọc các chuyện trinh thám thì tôi thường muốn những kẻ phạm tội tẩu thoát được |
| 54 | Đôi khi tôi không muốn nhìn cười khi nghe những câu chuyện tiểu lâm mất lịch sự |
| 55 | Tôi muốn thoát khỏi những cuộc khẩu chiến có thể gây ầm ĩ đến những người xung quanh |
| 56 | Tôi rất dễ nổi giận vì những việc nhỏ nhặt |
| 57 | Khi người phản ứng cáu giận với tôi, tôi thường cáu giận lại và ít khi trả lời họ |
| 58 | Tôi thích đọc truyện phiêu lưu mạo hiểm hơn là đọc về tình sử |
| 59 | Để nhận được một vài sự thỏa mãn nào đó thì việc phá vỡ những quy định và những điều cấm kị cũng có ý nghĩa |
| 60 | Tôi rất thích vào các nhóm mà ở đó, mọi người uống rượu và vui vẻ trong chừng mực |
| 61 | Tôi rất khó chịu khi nhìn thấy con gái hút thuốc |
| 62 | Tôi rất thích ở trong một nhóm bạn tốt, uống rượu có chừng mực |
| 63 | Đôi khi tôi cũng có mong muốn uống rượu, mặc dù tôi hiểu rằng không có thời gian và chỗ để uống |
| 64 | Thuốc lá làm yên lòng tôi trong những giây phút khó khăn |
| 65 | Đôi khi tôi cũng làm để buộc người khác phải sợ mình |
| 66 | Tôi có thể bằng bàn tay của mình nhắc cổ kẻ phạm tội và một cách đàng hoàng tuyên bố về những biện pháp trừng trị đó |
| 67 | Sự thỏa mãn chính là điều mà con người khát vọng trong cuộc sống |
| 68 | Tôi rất muốn được tham gia vào các cuộc đua xe máy |
| 69 | Tốt hơn là không nên đến gần tôi lúc tôi ở trong tâm trạng không tốt |
| 70 | Đôi khi tôi sẵn sàng là người đầu tiên làm những việc nguy hiểm |
| 71 | Tôi có thể hồi tưởng lại trường hợp khi tôi là con người độc ác tôi đã dùng tay nhặt một đồ đạc rơi xuống sàn và bẻ gãy nó |
| 72 | Tôi luôn yêu cầu để người xung quanh phải tôn trọng các quy định của mình |
| 73 | Tôi rất thích nhảy dù |
| 74 | Rượu và thuốc lá làm tăng độc hại cho con người |
| 75 | Khi bị người khác đánh, tôi ít khi đánh lại |
| 76 | Tôi không hài lòng với cảm giác rủi ro |
| 77 | Khi con người trong trận khẩu chiến cần đến các lời nói “mạnh” thì đây cũng là bình thường |
| 78 | Tôi thường xuyên không giữ được cảm xúc của mình |
| 79 | Tôi có vài lần đi học muộn |
| 80 | Tôi rất thích các nhóm có mọi người biết chia sẻ tình cảm với nhau |
| 81 | Sex là một trong những công việc chính trong đời sống của thanh niên |
| 82 | Tôi thường không thể không cãi nhau nếu ai đó không đồng ý với tôi |
| 83 | Đôi khi tôi không làm hết bài tập về nhà |
| 84 | Tôi thường hành động do ảnh hưởng của tâm trạng “1 phút” |
| 85 | Tôi cảm thấy mình không có khả năng đánh người. |
| 86 | Mọi người sẽ tức giận, nếu bọn phạm tội không bị khép tội |
| 87 | Đã xảy ra việc tôi buộc phải giấu người lớn một số hành vi của mình |
| 88 | Bản thân những kẻ ngổ là đối tượng để mọi người lừa gạt |
| 89 | Đôi khi tôi cáu giận đến mức mà phải đấm tay vào bàn |
| 90 | Tôi chỉ thể hiện đúng mình trong những tình huống bất ngờ và cảm giác bất an |

| | |
|----|---|
| 91 | Tôi sẽ sử dụng một cách mê mẩn những kích thích nếu như biết chắc chắn rằng chất đó không làm hại đến sức khỏe và không bị trừng phạt |
| 92 | Đôi khi tôi dùng chân trên cầu thì phía dưới có ai đó đã giơ tay về phía tôi |
| 93 | Mọi sự bần thiêu gây cho tôi sợ hãi hoặc là cảm giác buồn nôn |
| 94 | Khi làm việc gì độc ác thì tôi muốn bị ai đó đánh |
| 95 | Theo tôi, mọi người cần hoàn toàn từ chối sử dụng những chất gây nghiện |
| 96 | Tôi có thể vì tinh thần thể thao mà leo lên ống khói cao của nhà máy |
| 97 | Theo thời gian tôi có thể thực hiện ước vọng làm giảm nỗi đau của người khác |
| 98 | Tôi có thể điều khiển máy bay cánh quạt chỉ sau một vài lời giải thích ngắn gọn |

2.4.5. Kết quả đánh giá hệ số tương quan giữa các thang đo

Sau khi sử dụng các thao tác chuyển đổi điểm số theo phần mềm SPSS, kết quả thu được phản ánh ở Bảng 5.

Bảng 5. Hệ số tương quan giữa các thang đo

| | Thang1 | Thang2 | Thang3 | Thang4 | Thang5 | Thang6 | Thang7 |
|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Thang1 | 1,000 | ,212* | ,242** | ,275** | ,278** | ,285** | ,196* |
| Thang2 | ,212* | 1,000 | ,284** | ,220* | ,197 * | ,211 * | ,198 * |
| Thang3 | ,242** | ,284** | 1,000 | ,308** | ,283** | ,309** | ,414** |
| Thang4 | ,275** | ,220* | ,308** | 1,000 | ,442** | ,197 * | ,496** |
| Thang5 | ,278** | ,197 * | ,283** | ,442** | 1,000 | ,391** | ,417** |
| Thang6 | ,285** | ,211 * | ,309** | ,197 * | ,391** | 1,000 | ,120 |
| Thang7 | ,196* | ,198 * | ,414** | ,496** | ,417** | ,120 | 1,000 |

* Correlation is significant at the 0.05 level (1-tailed)

** Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed)

Kết quả trên cho thấy, các tiểu thang đo trong trắc nghiệm có mối liên quan chặt với nhau (ở mức 95% và 99%). Như vậy, về cấu trúc, trắc nghiệm: “xác định khuynh hướng hành vi lệch chuẩn” đã được kiểm định thống kê, cho phép được phổ biến cho giáo viên làm công cụ triển khai công tác giáo dục học sinh trong những tình huống cá biệt, góp phần nâng cao công tác giáo dục trong nhà trường. Sau khi được bồi dưỡng thực hành trắc nghiệm này, giáo viên nhà trường (THCS Dương Nội, Hà Nội) đã sử dụng để tiến hành nghiên cứu trên 04 học sinh của trường, mà theo họ, 3/4 em có hành vi lệch chuẩn (hành vi vượt qua các chuẩn mực và quy định). Số liệu của trắc nghiệm (do giáo viên nhà trường tiến hành) và kết quả phỏng vấn trực tiếp (do cán bộ nghiên cứu thực hiện) cho thấy, có số liệu định lượng cụ thể, làm cơ sở giúp giáo viên tư vấn, bàn bạc cùng gia đình học sinh tìm cách giáo dục các em.

3. Kết luận

Việc kiểm định thống kê trắc nghiệm giáo dục – làm cơ sở định hướng giáo dục học sinh, trước khi đem ra sử dụng là một khâu cần thiết và không thể thiếu. Trắc nghiệm “Xác định khuynh hướng hành vi lệch chuẩn” đã được kiểm định thống kê cho thấy, nội dung của trắc nghiệm đã phản ánh đúng mục đích cần đo; do vậy, có thể bồi dưỡng, phổ biến để giáo viên sử dụng với tư cách là công cụ định hướng giáo dục học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] А.Н.Орел, 2005. *Определение склонности к отклоняющемуся поведению Психодиагностика личностных деформаций и отклоняющего поведения*. Издат. Института Психотерапии. Москва.
- [2] Lâm Quang Thiệp, 2008. *Trắc nghiệm và ứng dụng*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
- [3] Nguyễn Công Khanh, 2009. *Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nxb Giáo dục.
- [4] Nguyễn Thị Hoàng Yến và cs., 2015. *Xây dựng Bảng kiểm đánh giá sự phát triển của trẻ em Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Giáo dục số 112 (1/2015), trang 7,8,22.
- [5] Nguyễn Khắc Viện, 1995. *Từ điển Tâm lý học*. Nxb Thế giới.
- [6] Sharon Lawner Weinberg, Sarah Knapp Abramowitz, 2002. *Data Analysis for the Behavioral Sciences Using SPSS*. Cambridge University Press.
- [7] *Từ điển Tiếng Việt*, 1992. Nxb Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
- [8] Trần Trọng Thủy, 1992. *Khoa học Chẩn đoán Tâm lý*. Nxb Giáo dục, Hà Nội,
- [9] Vũ Dũng (chủ biên), 2008. *Từ điển Tâm lý học*. Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

ABSTRACT

Result of inspection of statistics test "determination of tendency standard deviations"

Due to the actual circumstances, the use of tests deviant behavior abroad, which is built on the evaluation criteria in accordance with the general provisions of the World Health Organization is not only appropriate, but also feasible. However, before using this test, the statistical test (or conduct research to try) to adjust, repair the expression ... the indicators to suit the object of study is essential avoid errors when making the diagnosis, education contributes timely deviant behaviors in students. Content articles about statistical test results obtained from tests "Identify trends deviant behavior"

Keyword: Psychological test, statistical tests, test reliability, test validity.